TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2024/DS-PT
Ngày 25-3-2024
"V/v Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tặng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Được - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024, về việc "*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất*",.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 110/2023/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 181/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn:

1. Phạm Thị S, sinh năm 1943;

2. Nguyễn Thanh H, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: số nhà H ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1979;

Người đại diện hợp pháp của chị V: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1966. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 25/01/2024.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị V: Luật sư Nguyễn Ngọc Ấ-Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: số nhà H ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

* ***Người kháng cáo***: Bà Phạm Thị S là nguyên đơn;

Bà S. Anh H, anh T, Luật sư có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thanh H và anh H là người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị S trình bày:

Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1936, (chết 2017) và bà Phạm Thị S chung sống với nhau sinh được 03 người con gồm: Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Thị Hồng H1 (đã chết năm 2002, không có chồng, con), Nguyễn Thanh H. Về tài sản ông T1 và bà S có tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 10, tờ bản đồ 05, tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp diện tích 3.429m^2, loại đất ONT (bản đồ 299), được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn T1 và 01 căn nhà diện tích ngang khoảng 6m, dài khoảng 12m, nền gạch men, khung gỗ, mái ngói xây dựng năm 1985, giá trị 18.000.000 đồng, căn nhà này là nhà tình nghĩa do Nhà nước cấp cho ông T1 và bà S là tài sản chung của ông T1 và bà S, nên phần của ông T1 là 1.714,5m^2 và 9.000.000đồng giá trị ½ căn nhà và phần của bà S 1.714.5m^2 và 9.000.000đồng giá trị ½ căn nhà.

Ông Nguyễn Văn T1 chết không có để lại di chúc, nên bà S và anh H yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T1 cụ thể như sau :

Bà Nguyễn Thị S1 yêu cầu được quyền sử dụng 1.714,5m^2 và 9.000.000 đồng giá trị ½ căn nhà.

Yêu cầu chia phần di sản thừa kế của ông T1 để lại thửa đất số 10, tờ bản đồ 05, tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp diện tích 1.714.5m^2 và 9.000.000đồng giá trị ½ căn nhà tại địa chỉ 8 ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp thành 03 phần bằng nhau. Phạm Thị S, Nguyễn Thanh H yêu cầu nhận bằng hiện vật và trả giá trị

cho Nguyễn Thị Hồng V.

- Bị đơn Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

Ông Nguyễn Văn T1, (chết 2017)và bà Phạm Thị S sống chung với nhau

được 03 người con gồm: Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Thị Hồng H1 (đã chết năm 2002, không có chồng, con), Nguyễn Thanh H. Ông T1 và bà S có tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 10, tờ bản đồ 05, tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp diện tích 3.429m^2, loại đất ONT (bản đồ 299), được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T1 và 02 căn nhà, 01 căn nhà chị V đang ở và căn nhà bà S và anh H đang ở. Căn nhà chị V đang ở xây dựng năm 1993, căn nhà này là nhà tình nghĩa do Nhà nước cấp cho ông T1 và bà S. Ông T1 chết không có để lại di chúc, chỉ nói miệng là cho chị V ½ phần tài sản để chăm sóc cho ông T1 khi về già, phần còn thì cho bà S và anh H. Phần yêu cầu của bà S và anh H thì chị V không đồng ý.

Chị V chỉ đồng ý chia phần di sản thừa kế của ông T1 cụ thể như sau :

Chị V yêu cầu được quyền sử dụng diện tích 1.714,5m^2 thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ 05, tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp và 01 căn nhà chị V đang ở xây dựng năm 1993, căn nhà này là nhà tình nghĩa do Nhà nước cấp cho ông T1 và bà S nằm trên thửa đất.

Đồng ý để bà S và anh H được quyền sử dụng diện tích 1.714,5m^2 thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ 05, tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp và căn nhà bà S và anh H đang ở.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc T trình bày:

Anh T là chồng chị V. Thống nhất với ý kiến và yêu cầu của chị V. Trong vụ án này không ý kiến, yêu cầu gì.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 110/2023/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn Phạm Thị S, Nguyễn Thanh H.

1.1 Bà Phạm Thị S được sử dụng diện tích 1.305,3m^2 từ mốc M1, M2, B2, A4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, A3, B1 về M1.

1.2 Anh Nguyễn Thanh H được sử dụng diện tích 1.328,2m^2 từ mốc M3, A, B, C, D, E, F, G, M8, M7, M6, M5, M4 về M3 thửa đất số 10, tờ bản đồ số 5.

1.3 Chị Nguyễn Thị Hồng V được sử dụng diện tích 506,0m^2 và căn nhà chị V đang ở trên thửa đất số 10, tờ bản đồ số 5; từ mốc M2, M3, M4, M5, A4, B2 về M2.

2. Anh Nguyễn Thanh H phải trả lại giá trị phần diện tích chênh lệch cho Nguyễn Thị Hồng V theo biên bản định giá ngày 16/03/2021 của hội đồng định giá tương đương 17,25m^2 x 300.000đ = 5.175.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Hồng V phải trả lại giá trị căn nhà cho bà S 69.785.000 đồng; trả cho anh H 17.446.000 đồng.

Bà Phạm Thị S, anh Nguyễn Thanh H phải có nghĩa vụ cùng với chị Nguyễn Thị Hồng V liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần diện tích công nhận thừa kế cho bà S, anh H, chị V theo quy định pháp luật đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13 tháng 11 năm 2023, bà Phạm Thị S là nguyên đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số: 110/2023/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Bà Phạm Thị S yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, tuyên chấp nhận theo yêu cầu của bà S về vị trí đất theo sơ đồ đo đạc.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị V trình bày nội dung vụ án, khi ông T1 còn sống chị V chung sống với ông T1 tại căn của ông T1, sau khi ông T1 chết chị V tiếp quản lý sử dụng căn nhà và thờ cúng ông T1. Trong quá trình sử dụng đất chị V có tiến hành san lấp phần đất tranh chấp…và đề nghị Hội đồng xét xử, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của bà S, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Phạm Thị S kháng cáo trong hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Nội dung:

[2] Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị S tạo lập. Ông T1 cùng gia đình quản lý sử dụng, đến năm 1994 Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T1 thửa số 10, diện tích 3.429m^2, tờ bản đồ số 1. **Năm 1993**, ông T1 và bà S được Nhà nước xây dựng cho 01 căn nhà tình nghĩa trên phần đất tranh chấp. Ông T1 chết năm 2017, không để lại di chúc tổng diện tích là 3.139,5m^2 (Đo đạc thực tế). Khi ông T1 còn sống, bà S có cất 01 căn nhà trên phần đất của gia đình và bà S sống chung với anh H cho đến nay. Đối với căn nhà tình nghĩa thì sau khi ông T1 chết chị V cùng chồng là anh Thanh quản l sử dụng cho đến nay. Bà S khởi kiện yêu cầu được thừa kế ½ diện tích đất và 9.000.000 đồng.

[3] Xét thấy, ông T1 với bà S chung sống với nhau có 03 người con gồm: Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Thị Hồng H1 (chết ngày 01/7/2002, không có chồng cũng không có con) và Nguyễn Thanh H. Ông T1 chết không để lại di chúc, nên phần đất và nhà của ông T1 sẽ được chia thừa kế theo pháp luật cho bà S và các người con. Theo đó ông T1 và bà S mỗi người được hưởng ½ tài sản đất và nhà. Phần tài sản của ông T1 chia cho bà S và chị V, anh H.

- Về phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 3.139,5m^2.

+ Phần bà sáu được hưởng ½ diện tích đất là 3.139,5m^2 : 2 = 1.569,75m^2

+ Phần bà S , chị V, anh H mỗi người được hưởng từ ông T1:

1.569,75m^2 : 3 = 523,25m^2.

- Về phần nhà: Theo biên bản định giá ngày 16/3/2021:

Nhà chính: diện tích 64m^2 tri giá thành tiền 104.678.000 đồng.

+ Phần bà S được hưởng 52.339.000 đồng.

+ Phần bà S, chị V, anh H mỗi người được hưởng từ ông T1:

52.339.000 đồng : 3 = 17.446.000 đồng.

Như vậy, phần bà sáu được hưởng diện tích đất 2.093m^2 và số tiền 69.785.000 đồng.

Chị V và anh H mỗi người được hưởng diện tích đất 523.25m^2 và số tiền 17.446.000 đồng.

[4] Theo chị V khi ông T1 còn sống thì chị V sống chung với ông T1 cho đến khi ông T1 chết, sau khi ông T1 chết thì chị V tiếp tục sống tại căn nhà tình nghĩa và hiện chị V đang thờ cúng ông T1. Trong quá trình sử dụng đất, chị V và anh T xây dựng nhà sau, nhà tiền chế, bà S cũng không có tranh chấp hoặc ngăn cản gì. Hiện bà S sống chung với anh H trên căn nhà do bà S cất khi ông T1 còn sống. Chị V không có tranh chấp căn nhà này. Án sơ thẩm xử bà Phạm Thị S được thừa kế diện tích đất 1.305,3m^2 và chị V trả chênh lệch giá trị đất, nhà cho bà S số tiền 69.785.000 đồng. Anh Nguyễn Thanh H được thừa kế diện tích 1.328,2m^2 và chị V trả chênh lệch giá trị nhà cho anh H 17.446.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Hồng V được thừa kế diện tích đất 506,0m^2 và căn nhà chị V đang ở trên thửa đất số 10, tờ bản đồ số 5 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Theo Sơ đồ đo đạc ngày 16/3/2023, thì bà S và anh H thống nhất cho chị V được thừa kế diện tích đất 638,5m^2. Tuy nhiên, án sơ thẩm xử chị V được hưởng diện tích 506m^2, chị V thống nhất không có kháng cáo. Bà S kháng cáo thống nhất giao cho chị V được thừa kế diện tích đất 638,5m^2, chị V không đồng ý. Xét thấy, việc bà S giao cho chị V được thừa kế diện tích đất 638,5m^2 thì chị V phải tháo căn nhà tình nghĩa, nhà sau, nhà tạm và các công trình vật kiến trúc làm ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của chị V, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Phần đất bà S được thừa kế, có một phần nhà tạm của chị V và anh T lấn chiến phần đất của bà S được thừa kế. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T thống nhất tự nguyện tháo dỡ phần mái che lấn chiếm giao trả phần đất lấn chiếm cho bà S, đây là sự tự nguyện của chị V, anh T phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét thấy, lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị V là có cơ sở phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà S. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, theo hướng nhận định trên.

[10] Do kháng cáo của bà S không được chấp nhận, nên bà S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà S là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp án phí. Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa ánHội đồng xét xử phúc thẩm miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà S.

[11]. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 308; Khoản 1, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 649, 650, 651 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Sáu

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2023/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn Phạm Thị S, Nguyễn Thanh H.

- Bà Phạm Thị S được thừa kế quyền sử dụng diện tích 1.305,3m^2 được thể hiện từ mốc M1, M2, B2, A4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, A3, B1 về M1 thuộc một phần thửa đất số 10, tờ bản đồ số 5.

- Anh Nguyễn Thanh H được thừa kế quyền sử dụng diện tích 1.328,2m^2 được thể hiện từ mốc M3, A, B, C, D, E, F, G, M8, M7, M6, M5, M4 về M3 thuộc một phần thửa đất số 10, tờ bản đồ số 5.

- Chị Nguyễn Thị Hồng V được thừa kế quyền sử dụng diện tích 506,0m^2 và 01 căn nhà chị V đang ở được thể hiện từ mốc M2, M3, M4, M5, A4, B2 về M2, thuộc một phần thửa đất số 10, tờ bản đồ số 5.

Anh Nguyễn Thanh H phải trả lại giá trị phần diện tích chênh lệch cho Nguyễn Thị Hồng V theo biên bản định giá ngày 16/03/2021 của hội đồng định giá tương đương 17,25m^2 x 300.000đ = 5.175.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Hồng V phải trả lại giá trị căn nhà cho bà S 69.785.000 đồng; trả cho anh H 17.446.000 đồng.

Các đương sự có nghĩa vụ tôn trọng, sử dụng đúng diện tích đất đã được hưởng thừa kế, di dời tài sản, cơ sở vật chất (nếu có) lấn chiếm không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng của ranh giới quyền sử dụng đất.

Bà Phạm Thị S, anh Nguyễn Thanh H, chị Nguyễn Thị Hồng V được đến cơ quan có thẩm đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai.

3. Về án phí và tạm ứng án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho bà Phạm Thị S.

Anh Nguyễn Thanh H phải chịu 20.429.240 đồng.

Chị Nguyễn Thị Hồng V phải chịu 8.712.050 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chi phí xem xét thẩm định tại chổ và định giá tài sản:

Bà S phải chịu 4.250.000 đồng, anh H phải chịu 2.125.000 đồng, chị V phải chịu 2.125.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chổ và định giá tài sản. Bà S đã nộp tạm ứng và chi xong, nên buộc chị V, anh H phải trả lại cho bà S.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lai Vung;
- CCTHADS huyện Lai Vung;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Tấn Tặng